



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH-THIẾT  
BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/BC-KBE

Kiên Giang, ngày 19 tháng 03 năm 2021.

## **BÁO CÁO Thường niên năm 2020**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.**

### **I. Thông tin chung**

#### **1. Thông tin khái quát**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH – THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG.**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1700418394, đăng ký lần đầu ngày 11/07/2003, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 04/05/2018.

- Vốn điều lệ: 12.310.600.000 đồng.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 12.310.600.000 đồng.

- Địa chỉ: Lô E16 số 30-31-32 đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

- Số điện thoại: 0297. 3862125

- Số fax: 0297. 3867517

- Website: <http://www.donghobooks.vn> - Email: [vanphong.kbe@gmail.com](mailto:vanphong.kbe@gmail.com)

- Mã cổ phiếu: KBE

#### **Quá trình hình thành và phát triển**

- Quá trình hình thành và phát triển:

+ *Quá trình hình thành:*

Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang tiền thân là Công ty Sách Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (doanh nghiệp nhà nước). Được thành lập căn cứ vào thông tư số 14/TT-TC ngày 10-06-1982 của bộ Giáo Dục (nay là Bộ Giáo Dục – Đào tạo). Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang đã ra quyết định số 371/QĐ-UB ngày 30-8-1982, thành lập Công ty Sách Thiết Bị Trường Học trực thuộc Ty Giáo Dục (nay là Sở Giáo dục – Đào tạo Kiên Giang) trên cơ sở hợp nhất Phòng Phát hành - thư viện và Phòng Thiết bị dạy học.

Từ năm 1984 – 1992 tổ chức hoạt động của Công Ty đi vào nề nếp. Từ đó công tác phát hành sách, thư viện trường học và xây dựng các phòng thí nghiệm – thực hành đã có nhiều chuyên biến tích cực.

Từ 1999 đến nay Công Ty được giao thêm công tác phát hành sách và văn hóa phẩm



thuộc các ngành Văn Hóa – Thông Tin quản lý. Công ty đã có quan hệ với 43 Nhà Xuất Bản trong cả nước để có đủ nguồn sách đa dạng và phong phú phục vụ cho bạn đọc tỉnh nhà. Do làm tốt công tác này nên Công Ty được Bộ Văn Hóa- Thông Tin cấp bằng khen.

+ *Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:*

Thực hiện Quyết định số 38/QĐ TTg ngày 08-01-2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước trực thuộc UBND tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2003-2005; căn cứ vào Quyết định số 1760/QĐ\_UB ngày 26-06-2003 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc chuyển Công ty Sách Thiết Bị Trường Học Kiên Giang thành Công ty cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang.

Ngày 01-07-2003 Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty cổ phần. Sau khi thành lập công ty đã nhanh chóng ổn định tổ chức và đi vào hoạt động theo đúng pháp luật qui định, đúng điều lệ hoạt động của công ty.

Công ty cổ phần Sách - Thiết bị trường học Kiên Giang thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 56-03-00014 ngày 11-07-2003 (lần đầu). Vốn điều lệ: 6.155.300.000 đồng (Sáu tỉ một trăm năm mươi lăm triệu ba trăm ngàn đồng). Vốn nhà nước sở hữu chiếm 40% tổng vốn điều lệ.

Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ nhất ngày 28-12-2006 với số 56-03-00014 bổ sung thêm ngành nghề kinh doanh, vốn điều lệ không đổi.

Đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần hai, ngày 24-07-2008 số: 56-03-00014 bổ sung thêm một số ngành nghề, vốn điều lệ không đổi.

Đăng ký thay đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ ba ngày 12-02-2009, số: 1700-418394, bổ sung thêm một số ngành nghề, vốn điều lệ tăng gấp đôi: 12.310.600.000 đồng (Mười hai tỉ ba trăm mười triệu sáu trăm ngàn đồng), vốn nhà nước chiếm giữ giảm còn 20%.

Tháng 03/2009, Công ty hoàn tất thủ tục đăng ký và trở thành công ty đại chúng theo đúng luật định. Đến 01/03/2010, công ty chính thức giao dịch trên sàn UPCoM với mã giao dịch là KBE.

Ngày 15/11/2012 công ty đăng ký thay đổi giấy phép kinh doanh lần thứ 4 do thay đổi trụ sở làm việc mới từ trụ sở cũ số 40 Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, Rạch Giá, Kiên Giang về trụ sở mới Lô E16 số 30-31-32 đường 3/2, phường Vĩnh Lạc, Rạch Giá, Kiên Giang.

Ngày 04/05/2018, công ty thay đổi Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 5 do thay đổi người đại diện (Chủ tịch HĐQT) Ông Nguyễn Hùng Dũng thay thế ông Châu Văn Hiếu hết nhiệm kỳ.

- Các sự kiện khác: Không

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh:

+ Mua bán, phát hành các loại sách, thiết bị dạy học, văn phòng phẩm, văn hóa phẩm, quà lưu niệm, đồ chơi trẻ em, dụng cụ TDTT...

+ In ấn, liên kết in ấn các loại...





- + Bán buôn, bán lẻ các loại thiết bị đồ dùng, đồ dùng gia đình...
- + Bán buôn, bán lẻ các thiết bị vi tính, thiết bị văn phòng, thiết bị điện, thiết bị viễn thông...
- + Cung cấp các mặt hàng đồ gỗ trang bị cho nhà trường, văn phòng.
- Địa bàn kinh doanh:
  - + Hệ thống bán lẻ tập trung chủ yếu tại thành phố Rạch Giá và huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.
  - + Hệ thống bán sỉ: cung cấp hàng hóa cho các đại lý, Phòng Giáo dục, và các trường rộng khắp 15 huyện, thị, thành phố trong tỉnh Kiên Giang.

### **3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

- **Mô hình quản trị:** Mô hình quản trị của Công ty theo Điều 137 Luật Doanh nghiệp năm 2019 gồm có: Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Giám đốc.

#### **- Cơ cấu bộ máy quản lý.**

- a. Hội đồng quản trị: gồm 5 thành viên, trong đó 1 Chủ tịch, 4 thành viên
- b. Thư ký HĐQT : 01 người
- c. Ban kiểm soát: Gồm có 01 Trưởng ban và 02 thành viên .
- d. Ban Giám đốc gồm 2 thành viên: 1 Giám đốc và 1 Phó Giám đốc.
- đ. Các phòng ban:
  - + Phòng Kinh doanh : 01 Trưởng phòng, 01 Phó trưởng phòng.
  - + Phòng Kế toán - Tổ chức – Hành chính : 01 Trưởng phòng, 02 phó phòng
- e. Các chi nhánh trực thuộc Công ty:
  - + Nhà sách Đông Hồ 1: 01 Cửa hàng trưởng , 01 cửa hàng phó  
Địa chỉ: 98B Trần Phú, phường Vĩnh Thanh, TP.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.  
ĐT: 02973.876996; Fax: 02973.876995.
  - + Nhà sách Đông Hồ 2: 01 Cửa hàng trưởng , 01 cửa hàng phó  
Địa chỉ: 989 Nguyễn Trung Trực, phường An Bình, TP.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.  
ĐT: 02973.914717; Fax: 02973.914716.
  - + Nhà sách Đông Hồ 3: 01 Cửa hàng trưởng , 01 cửa hàng phó  
Địa chỉ: Lô E16 số 30-31-32 đường 3 tháng 2, phường Vĩnh Lạc, TP.Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.  
ĐT: 0297.6251122; Fax: 02973.867517.
  - + Nhà sách Đông Hồ Giồng Riềng: 01 Cửa hàng trưởng , 01 cửa hàng phó.  
Địa chỉ: Khu Nội ô Thị trấn Giồng Riềng, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.  
ĐT: 02973.654297; Fax: 02973.631935.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không có



#### **4. Định hướng phát triển:**

– Các mục tiêu chủ yếu của Công ty: Mục tiêu hoạt động của công ty là không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ trong các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty nhằm tối đa hóa lợi nhuận cho công ty, lợi ích của cổ đông; cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước; phát triển công ty ngày càng lớn mạnh, bền vững.

– Chiến lược phát triển trung và dài hạn: Tiếp tục mở rộng thị phần bán lẻ ở các tuyến huyện khi có điều kiện thuận lợi; tìm ra các hình thức kinh doanh mới, phù hợp nhằm tăng doanh thu, tạo thêm việc làm, đảm bảo đời sống cho người lao động và lợi ích của cổ đông; phát triển hình thức bán hàng qua mạng; mở rộng kinh doanh điện năng lượng mặt trời...

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty: Công ty cổ phần Sách – TBTH Kiên Giang thường xuyên ủng hộ và tài trợ cho các chương trình phát triển Giáo dục tại địa phương, tham gia các hoạt động xã hội, từ thiện khác nhằm hướng tới một xã hội cùng phát triển bền vững. Bên cạnh đó công ty cũng từng bước cải thiện môi trường kinh doanh, sản xuất; lắp đặt và sử dụng hệ thống điện năng lượng mặt trời thay thế sử dụng điện lưới nhằm hướng đến mục tiêu là một công ty xanh góp phần xây dựng một thế giới xanh – sạch – đẹp.

#### **5. Các rủi ro:**

##### **a. Rủi ro về luật pháp**

Là Công ty cổ phần nên hoạt động của Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp. Khi đăng ký Công ty đại chúng thì hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán, Nghị định và các Quy định về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán; bên cạnh đó là các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty: Luật Quản lý thuế, thuế Thu nhập doanh nghiệp, Luật Xuất bản...

##### **b. Rủi ro đặc thù**

Sách là một loại hàng hóa đặc biệt, nếu không có chính sách thu mua phù hợp đối với từng loại sách khác nhau thì Công ty có thể gánh chịu lượng hàng tồn kho lớn và hao tổn chi phí cho Công ty. Đồng thời, đặc thù của kinh doanh nhà sách là số lượng tiêu thụ tăng mạnh vào mùa tựu trường, nên vào những mùa thấp điểm, lượng hàng tồn kho khá lớn được dự trữ và giao cho các cửa hàng quản lý sẽ trở thành một gánh nặng cho Công ty; việc cải cách giáo dục, thay đổi, chỉnh sửa nội dung sách giáo khoa thường xuyên cũng đòi hỏi phải theo dõi thường xuyên, liên tục các đầu sách tồn kho tránh thiệt hại lớn khi thay đổi sách. Bên cạnh đó, hiện nay nguồn sách và văn phòng phẩm luôn đa dạng, phong phú và được cập nhật liên tục nên lượng hàng tồn kho nếu không tiêu thụ trong thời gian ngắn sẽ bị lỗi thời và tiếp tục ứ đọng. Vì thế, yếu tố hàng tồn kho trở nên rủi ro và ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

##### **c. Rủi ro khác**

Những hàng hóa của Công ty kinh doanh hiện nay chủ yếu là sách và văn phòng phẩm là những vật liệu dễ cháy, do đó, rủi ro về hỏa hoạn luôn cần được cảnh giác và vấn đề phòng ngừa hỏa hoạn, tuân thủ nghiêm túc những quy định về phòng cháy, chữa cháy phải đặt lên hàng đầu. Ngoài ra, đối với những nhân tố rủi ro bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh, dịch





bệnh..., nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## II. Tình hình hoạt động trong năm 2020

### 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp,...

Tóm tắt tình hình hoạt động kinh doanh trong năm 2020

CHỈ TIÊU	TH 2019	KH 2020	TH 2020	% TH 2020 so TH 2019	% TH 2020 so KH 2020
Tổng tài sản	33.355.426.278	-	<b>35.141.246.154</b>	<b>105,35%</b>	-
Doanh thu thuần	120.952.812.225	123.000.000.000	120.427.686.270	99,57%	97,91%
Lợi nhuận từ HĐKD	4.025.777.725	4.283.729.776	3.763.684.813	93,49%	87,86%
Lợi nhuận khác	80.313.275	60.000.000	162.437.458	202,25%	270,73%
Lợi nhuận trước thuế	4.106.091.000	4.343.729.776	3.926.122.271	95,62%	90,39%
Thuế TNDN	550.919.773	651.559.466	425.677.071	77,27%	65,33%
Lợi nhuận sau thuế	3.555.171.227	3.692.170.310	3.500.445.200	98,46%	94,81%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	28,88%	29,99%	28,43%	98,44%	84,80%
Tỷ lệ cổ tức (%)	20%	15% - 20%	20%		

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Theo bảng tóm tắt trên có thể thấy, chỉ tiêu doanh thu thuần giảm 0,43% so năm 2019 và đạt 97,91% so với kế hoạch năm 2020; lợi nhuận từ hoạt động sản xuất, kinh doanh chính giảm 6,51% so với năm 2019 và chỉ đạt 87,86% so với kế hoạch năm; tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức thực hiện năm 2020 giảm 1,56% so với năm 2019 và chỉ đạt 84,80% so kế hoạch 2020.

Từ những tháng đầu năm 2020, tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp trên cả nước đã ảnh hưởng rất lớn đến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 của công ty, doanh thu bị giảm sút 50% trong 06 tháng đầu năm, dẫn đến lợi nhuận cũng bị ảnh hưởng. Trong 06 tháng cuối năm 2020, công ty đã cố gắng tìm mọi biện pháp để hoàn thành kế hoạch đề ra tuy nhiên kết quả vẫn chưa đạt được như kỳ vọng. Tỷ lệ dự kiến trả cổ tức năm 2020 là 20% so với năm 2019 là không thay đổi.

### 2. Tổ chức và nhân Sự

- Danh sách Ban điều hành:



<b>1</b>	<b>Họ và tên</b>	:	<b>Lâm Văn Nguyễn Huy</b>
❖	Chức vụ hiện tại	:	Giám đốc
❖	Giới tính	:	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	:	10/08/1975
❖	Quốc tịch	:	Việt Nam
❖	Dân tộc	:	Kinh
❖	Số CMTND	:	370684536 cấp ngày 20/04/2005 tại Kiên Giang.
❖	Địa chỉ thường trú	:	191/6/13 Nguyễn Trung Trực, Vĩnh Bảo, Rạch Giá, Kiên Giang
❖	Số điện thoại liên lạc	:	0989860666
❖	Trình độ văn hóa	:	12/12
❖	Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Công nghệ thông tin
❖	Quá trình công tác	:	
	- Từ 1999-2009	:	Công tác tại CTCP Sách – Thiết bị trường học Kiên Giang
	- Từ 2009 - 2013	:	Cửa hàng trường Nhà sách Đông Hồ 1, TV HĐQT CTCP Sách – Thiết bị trường học KG
	- Từ 2014 đến tháng 04/2018	:	Phó Giám đốc, kiêm Trưởng phòng Kinh doanh, TV HĐQT CTCP Sách–Thiết bị trường học KG
	- Từ tháng 05/2018 đến nay	:	Giám đốc công ty, thành viên HĐQT.
❖	Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
❖	Số cổ phần nắm giữ	:	54.230 cổ phần chiếm 4,40% vốn điều lệ
<b>2</b>	<b>Họ và tên</b>	:	<b>Nguyễn Thị Kim Tuyến</b>
❖	Chức vụ hiện tại	:	Phó Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh
❖	Giới tính	:	Nữ
❖	Ngày tháng năm sinh	:	12/11/1976
❖	Quốc tịch	:	Việt Nam
❖	Dân tộc	:	Kinh
❖	Số CMTND	:	370739314 cấp ngày 11/03/2011 tại Kiên Giang.
❖	Địa chỉ thường trú	:	474 Ngô Quyền, Vĩnh Lạc, Rạch Giá, Kiên Giang





❖	Số điện thoại liên lạc	:	0913848040
❖	Trình độ văn hóa	:	12/12
❖	Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Sư phạm chuyên ngành Anh
❖	Quá trình công tác	:	
	- Từ 12/2001 – T6/2004	:	Nhân viên Nhà sách Đông Hồ 1 thuộc CTCP Sách – Thiết bị trường học Kiên Giang
	- Từ T6/2004 – T12/2006	:	Cửa hàng Phó Nhà sách Đông Hồ 2 thuộc CTCP Sách – Thiết bị trường học Kiên Giang
	- Từ 12/2006 – T12/2013	:	Cửa hàng trưởng NS Đông Hồ 2 thuộc CTCP Sách – Thiết bị trường học Kiên Giang.
	- Từ T10/2015 – T04/2018	:	Cửa hàng Trưởng NSĐH1 thuộc CTCP Sách – Thiết bị trường học Kiên Giang
	- Từ T05/2018 đến nay	:	Phó Giám đốc công ty CP Sách – TBTH Kiên Giang, thành viên HĐQT Công ty CP Sách – TBTH Kiên Giang.
❖	Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
❖	Số cổ phần nắm giữ		8.400 cổ phần chiếm 0,68% vốn điều lệ
<b>3</b>	<b>Họ và tên</b>	:	<b>Lâm Nhựt Minh</b>
❖	Chức vụ hiện tại	:	Kế toán trưởng
❖	Giới tính	:	Nam
❖	Ngày tháng năm sinh	:	07/06/1971
❖	Quốc tịch	:	Việt Nam
❖	Dân tộc	:	Kinh
❖	Số CMTND	:	370500784 cấp ngày 06/06/2016 tại Kiên Giang
❖	Địa chỉ thường trú	:	61 Bạch Đằng, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
❖	Số điện thoại liên lạc	:	0903709254
❖	Trình độ văn hóa	:	12/12
❖	Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân Kinh tế
❖	Quá trình công tác		
	- Từ 2004 - 2006	:	Kế toán bán hàng tại nhà sách Đông Hồ 2 – Cty CP Sách – TBTH Kiên Giang



	- Từ 2006 - 2009	:	Cửa hàng phó nhà sách Đông Hồ 2 - Cty CP Sách – TBTH Kiên Giang
	- Từ 2009 - 2010	:	Trưởng phòng Kế toán Cty CP Sách – Thiết bị trường học Kiên Giang
	- Từ 2010 đến nay	:	Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Kế toán Cty CP Sách – Thiết bị trường học Kiên Giang
❖	Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
❖	Số cổ phần nắm giữ	:	2.000 cổ phần chiếm 0,16% vốn điều lệ

- Những thay đổi trong ban điều hành: Trong năm Ban Điều hành không có sự thay đổi.

- Số lượng cán bộ, nhân viên.

+ Tổng số CBCNV có mặt tại đơn vị tính đến ngày 31/12/2020 là 94 người. Phân loại:

STT	CHỈ TIÊU	SỐ LƯỢNG (người)
<b>I</b>	<b>THEO TRÌNH ĐỘ</b>	<b>94</b>
1	Trên Đại học, Đại học	25
2	Trung cấp	25
3	Khác	44
<b>II</b>	<b>THEO HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG</b>	<b>94</b>
1	Không thời hạn	79
2	Xác định thời hạn	15

+ Chính sách cho người lao động:

*Chính sách đào tạo:* Hàng năm, tùy vào tình hình và nhu cầu thực tế công ty sẽ cử CBCNV tham dự các lớp nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc mời giảng viên có kinh nghiệm về đơn vị mở lớp tập huấn về các kỹ năng quản lý, bán hàng, marketing....

*Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi:* Căn cứ vào Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương, công ty đã tiến hành xây dựng lại toàn bộ hệ thống thang, bảng lương mới đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, từng bộ phận, khuyến khích người lao động làm việc nhiệt tình, góp phần phát triển sản xuất kinh doanh của đơn vị; Quy chế trả lương, thưởng cho người lao động cũng được xây dựng theo quy định hiện hành. Công ty còn thực hiện chế độ khen thưởng đột xuất cho những cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác.

Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm theo quy định của pháp luật: BHXH – BHYT – BHTN, công ty đảm bảo không nợ tiền đóng bảo hiểm, người lao động được hưởng trợ cấp BHXH : ốm đau, thai sản, bệnh tật, chế độ thôi việc... luôn kịp thời. Hàng năm công ty còn trích quỹ phúc lợi để tổ chức cho CBCNV có thành tích xuất sắc được đi học tập, tham quan, du lịch trong và ngoài nước.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án





a) Các khoản đầu tư lớn: Trong năm công ty đã đầu tư 02 (hai) hệ thống điện năng lượng mặt trời tại 02 nhà sách: Đông Hồ 1 và Đông Hồ 2, với tổng công suất 100Kw với số tiền đầu tư 1,320 tỷ đồng. Mục đích nhằm giảm chi phí sử dụng điện ở 02 nhà sách này và tạo thêm doanh thu mới từ việc bán điện thừa cho công ty điện lực. Hai hệ thống này đã hoàn thành và đưa vào sử dụng trong tháng 11 và 12 năm 2020.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

#### 4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	33.355.426.278	35.141.246.154	+ 5,35%
Doanh thu thuần	120.952.812.225	120.427.686.270	- 0,43%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.025.777.725	3.763.684.813	- 6,51%
Lợi nhuận khác	80.313.275	162.437.458	+ 102,25%
Lợi nhuận trước thuế	4.106.091.000	3.926.122.271	- 4,38%
Lợi nhuận sau thuế	3.555.171.227	3.500.445.200	- 1,54%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	20%	20%	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,95	1,95	
+ Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	0,61	0,58	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	39,00	38,63	
+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	63,94	62,95	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	5,86	5,42	
+ Vòng quay tổng tài Sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	3,63	3,52	



<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời:</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,94	2,91	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	17,47	16,23	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	10,66	9,96	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3,33	3,12	

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a) Cổ phần: Tổng số cổ phần đang lưu hành là 1.231.060 cổ phần phổ thông, không có cổ phần ưu đãi và cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng.

b) Cơ cấu cổ đông:

STT	Cổ đông	Tổng số CP sở hữu	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>CỔ ĐÔNG LỚN</b>	<b>464.360</b>	<b>37,72%</b>
<b>I</b>	<b>Cá nhân:</b>	<b>218.160</b>	<b>17,72%</b>
1	Cá nhân trong nước	218.160	17,72%
2	Cá nhân nước ngoài	0	0
<b>II</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>246.200</b>	<b>20,00%</b>
1	Tổ chức trong nước	246.200	20,00%
2	Tổ chức nước ngoài	0	0
<b>B</b>	<b>CỔ ĐÔNG NHỎ</b>	<b>766.700</b>	<b>62,28%</b>
<b>I</b>	<b>Cá nhân:</b>	<b>765.700</b>	<b>62,20%</b>
1	Cá nhân trong nước	765.700	62,20%
2	Cá nhân nước ngoài	0	0
<b>II</b>	<b>Tổ chức</b>	<b>1.000</b>	<b>0,08%</b>
1	Tổ chức trong nước	1.000	0,08%
2	Tổ chức nước ngoài	0	0
	<b>TỔNG CỘNG (A + B)</b>	<b>1.231.060</b>	<b>100%</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: Không có.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty**

**6.1. Tác động lên môi trường:**





Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: Công ty hoạt động chủ yếu là bán hàng nên việc phát thải khí nhà kính trực tiếp và gián tiếp là không đáng kể.

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: Chủ yếu là tiết kiệm năng lượng điện tiêu thụ bằng việc sử dụng các thiết bị chiếu sáng bằng bóng LED; trang bị hệ thống máy điều hòa có chức năng tiết kiệm điện; hạn chế bật đèn và máy điều hòa vào những giờ thấp điểm...

### **6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có.

### **6.3. Tiêu thụ năng lượng:**

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Tổng số Kw điện tiêu thụ để phục vụ cho khối kinh doanh bán hàng trực tiếp và khối văn phòng là 305.339 kw.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng; báo cáo kết quả của các sáng kiến này: Không có.

### **6.4. Tiêu thụ nước:**

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Hoạt động kinh doanh của công ty chủ yếu là bán hàng nên nguồn nước cung cấp chính được mua từ công ty cấp thoát nước của địa phương, tổng lượng nước tiêu thụ trong năm là 3.440m<sup>3</sup>.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có.

### **6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:**

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có.

### **6.6. Chính sách liên quan đến người lao động**

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

Tổng số nhân viên có mặt tại đơn vị tính đến ngày 31/12/2020 là 94 người; tiền lương trung bình là 9.930.000 đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

*Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi:* Căn cứ vào Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14/05/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương, công ty đã tiến hành xây dựng lại toàn bộ hệ thống thang, bảng lương mới đảm bảo phù hợp với năng lực và công việc của từng người, từng bộ phận, khuyến khích người lao động làm việc nhiệt tình, góp phần phát triển sản xuất kinh doanh của





đơn vị; Quy chế trả lương, thưởng cho người lao động cũng được xây dựng theo quy định hiện hành. Công ty còn thực hiện chế độ khen thưởng đột xuất cho những cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác.

Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ chính sách về bảo hiểm theo quy định của pháp luật: BHXH – BHYT – BHTN, công ty đảm bảo không nợ tiền đóng bảo hiểm, người lao động được hưởng trợ cấp BHXH : ốm đau, thai sản, bệnh tật, chế độ thôi việc... luôn kịp thời. Hàng năm công ty còn trích quỹ phúc lợi để tổ chức cho nhân viên có thành tích xuất sắc được đi học tập, tham quan, du lịch trong và ngoài nước.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp: năm 2020, công ty đã tổ chức cho CBCNV tham dự các lớp nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ về các kỹ năng quản lý, bán hàng, marketing... có hơn 10 lượt người được đào tạo, tập huấn.

**6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.**

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Trong năm, công ty tài trợ cho các đơn vị như: Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang, Tỉnh Đoàn Kiên Giang, Hội khuyến học địa phương tổ chức các hoạt động xây dựng tủ sách cho các chiến sĩ biển đảo; phát tập, sách cho con em nghèo hiếu học, học giỏi; ngoài ra công ty còn đóng góp cho các quỹ xã hội như: Quỹ vì người nghèo, Quỹ phòng chống lụt bão, Quỹ đền ơn đáp nghĩa... tổng số tiền đóng góp trong năm hơn 100.000.000 đồng.

**6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:** Không có

**III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

– Xem bảng tóm tắt hoạt động kinh doanh của công ty ở phần II, cho thấy năm 2020 tổng lợi nhuận sau thuế đạt được là 3,500 tỷ đồng so với kế hoạch đặt ra đầu năm 2020 là 3,692 tỷ đồng chỉ đạt 94,80% và so với năm 2019 giảm 1,55% tương đương số tiền giảm là 55 triệu đồng.

– Năm 2020, tình hình kinh doanh tiếp tục gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng kéo dài của dịch Covid-19; sự cạnh tranh gay gắt giữa các công ty có cùng ngành nghề trên địa bàn bắt buộc công ty phải áp dụng nhiều hình thức khuyến mãi, tăng chiết khấu cho khách hàng nhằm nắm vững thị phần. Tuy trong năm có những khó khăn nhưng Ban Giám đốc công ty đã kịp thời nắm bắt nhiều cơ hội, có những giải pháp kinh doanh hợp lý đưa doanh thu và lợi nhuận của công ty đạt được tỷ lệ tương đối khá tốt.

- Để đạt được kết quả trên, trong năm 2020 Ban Giám đốc công ty tiếp tục việc giao khoán các chỉ tiêu như: doanh thu, chi phí, lợi nhuận và tiền lương cho các bộ phận kinh doanh nhằm tạo động lực phát huy tinh thần tiết kiệm, giảm chi phí trong kinh doanh để từ đó tăng thu nhập cho người lao động; công tác nhân sự cũng thường xuyên được sắp xếp cho phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế, nhằm phát huy năng lực của từng cá nhân; công tác ngoại giao, marketing được chú trọng nhằm tạo uy tín, niềm tin với khách hàng và các đối tác giúp công ty giữ vững được thị phần.





## 2. Tình hình tài chính

### a) Tình hình tài sản

Cuối năm 2020, công ty có tổng tài sản là 35,1415 tỷ đồng tăng 1,786 tỷ đồng tương đương tăng 5,35% so với thời điểm cuối năm 2019. Quy mô tài sản trong năm ít biến động, tuy nhiên cơ cấu tài sản có sự thay đổi

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Tài sản lưu động/ tổng tài sản	75,95%	75,49%
Tài sản cố định/ tổng tài sản	24,05%	24,51%

- Tài sản ngắn hạn tăng từ 25,334 tỷ đồng lên 26,529 tỷ đồng tương đương tăng 4,72% .  
Trong đó :

- + Các khoản phải thu từ 3,635 tỷ đồng tăng lên 4,09 tỷ đồng tăng 11,94%;
- + Tài sản ngắn hạn khác từ 63,450 triệu đồng tăng lên 92,223 triệu đồng tăng 45,35%
- + Hàng hóa tồn kho từ 17,347 tỷ tăng lên 18,623 tỷ đồng tăng 7,36%.

- Tài sản dài hạn tăng từ 8,022 tỷ đồng lên 8,611 tỷ đồng tương đương tăng 7,34%.

### b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Công ty không có các khoản nợ phải trả quá hạn.

- Phân tích ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: trong kinh doanh, công ty không sử dụng ngoại tệ, chỉ sử dụng đồng tiền Việt Nam đồng.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Công ty luôn coi trọng và thường xuyên cải tổ công tác quản lý bán hàng ở các nhà sách. Năm 2020, công ty tiếp tục củng cố và phát triển mô hình quản lý ở các cửa hàng theo hoạt động nhóm. Mô hình này đã mang lại những hiệu quả thiết thực cho công ty như: giảm được biên chế, thúc đẩy năng suất làm việc của người lao động tăng lên, thu nhập người lao động được cao hơn...mô hình này sẽ được tiếp tục điều chỉnh cho phù hợp để phát huy trong thời gian tới; ngoài ra công ty còn đưa một số cán bộ quản lý chủ chốt đi tập huấn các lớp về nâng cao trình độ quản lý và trình độ bán hàng nhằm từng bước chuyên môn hóa các khâu quan trọng trong công tác kinh doanh.

## 4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Trong năm 2021 và những năm tiếp theo, công ty tiếp tục thực hiện việc cải tổ công tác quản lý, thay đổi phương thức quản lý bán hàng theo nhóm, giảm biên chế các cá nhân không tích cực trong công tác; tăng cường quản lý chi phí, thực hành tiết kiệm, tiếp tục thực hiện kế hoạch khoán doanh thu – giá vốn – chi phí - tiền lương và thu nhập đến các đơn vị trực thuộc nhằm xóa bỏ những hạn chế, yếu kém còn tồn tại; xây dựng một đội ngũ nhân viên có nội lực, dám nghĩ, dám làm, năng động, sáng tạo trong môi trường kinh doanh ngày càng có tính cạnh tranh gay gắt như hiện nay.

Đáp ứng đầy đủ các nhu cầu của khách hàng về đa dạng chủng loại hàng hóa, tăng cường khai thác các mặt hàng mới, thường xuyên cập nhật thị hiếu của khách hàng nhằm cung



ứng kịp thời các mặt hàng theo nhu cầu của khách; tiếp tục mở rộng và khai thác mặt hàng sổ sách quản lý, đánh giá chất lượng dạy và học của các cấp học, các trường mẫu giáo cùng với các thiết bị, sổ sách quản lý phục vụ cho các chương trình đổi mới giáo dục; tìm đối tác để liên kết, liên doanh khai thác các mặt hàng văn phòng phẩm, thiết bị dạy học để thực hiện bán buôn các mặt hàng này.

Nâng cao chất lượng bán lẻ, lấy doanh thu bán lẻ làm trọng tâm. Sửa chữa, nâng cấp các cửa hàng hiện có nhằm tạo môi trường mua sắm thông thoáng, sạch, đẹp cho khách hàng. Tăng cường và mở rộng công tác tiếp thị đến các cơ quan, trường học, công ty, xí nghiệp để mở rộng thị phần; có chương trình khuyến mãi hợp lý để nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo thị phần vững chắc trong nền kinh tế thị trường; nghiên cứu mở rộng kênh bán hàng qua mạng, bán trực tiếp đến các trường học trên địa bàn trong tỉnh; mở rộng kinh doanh thêm một số ngành hàng mới.

#### **5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường: Công ty luôn thực hiện tốt các qui định của pháp luật về môi trường. Đảm bảo môi trường làm việc và kinh doanh luôn xanh – sạch – đẹp.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Trong năm, tình hình người lao động có nhiều biến động, công ty liên tục phải tuyển dụng lao động mới để thay thế những người xin thôi việc. Công tác chăm lo đời sống của người lao động trong công ty luôn được Ban Giám đốc trú trọng, đảm bảo các chế độ về BHXH, phúc lợi khác... nhằm đảm bảo đời sống và việc làm cho người lao động trong công ty.

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Trong năm qua công ty đã thực hiện tốt trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng và địa phương nơi đơn vị kinh doanh. Thực hiện tài trợ cho các hoạt động giáo dục: quỹ khuyến học, quỹ hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó học giỏi, các cuộc thi học sinh giỏi...; đóng góp các quỹ an sinh, xã hội... với tổng số tiền đóng góp trên 100 triệu đồng.

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.**

Trong năm qua tuy công tác kinh doanh tiếp tục gặp nhiều khó khăn, dịch Covid-19 kéo dài, các nhà sách của công ty gặp sự cạnh tranh gay gắt không chỉ sách mà các mặt hàng khác cũng vậy, nhưng Ban Giám đốc đã cố gắng tìm mọi giải pháp để công ty đạt được các chỉ tiêu mà Đại hội cổ đông năm 2020 đã đề ra, cụ thể doanh thu đã đạt 120,428 tỷ đồng so với kế hoạch 123,000 tỷ đồng chỉ đạt 97,91% và giảm 0,47% so với năm 2019. Tuy chưa đạt được kết quả như kế hoạch đề ra nhưng cũng cho thấy sự nỗ lực của Ban Giám đốc trong công tác điều hành kinh doanh tại đơn vị.

Trong năm 2020 công ty đã cố gắng để đạt được kế hoạch doanh thu và lợi nhuận. Ban giám đốc đề ra các giải pháp cụ thể để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, đặc biệt chú ý chỉ tiêu lợi nhuận, tăng cường thực hiện các chức năng giám sát bộ máy quản lý, điều hành, khen thưởng kịp thời những cá nhân mang lại lợi ích cho công ty; đồng thời cũng mạnh dạn chấn chỉnh, thay thế những cán bộ yếu kém không hoàn thành nhiệm vụ được phân công; tăng cường chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông và các nghị quyết của Hội đồng quản trị công ty.





## **2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty**

Hội đồng quản trị thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát bộ máy quản trị và điều hành công ty một cách thường xuyên, liên tục thông qua những công cụ như giám sát, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý... các mẫu biểu báo cáo của Ban giám đốc và các bộ phận quản lý.

Giám đốc thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ được giao trong Điều lệ và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị.

Giám sát, chủ trì thành công Đại hội cổ đông năm 2020. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu về tiền lương, lợi nhuận, cổ tức... năm 2020.

Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra trong năm theo Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2020.

## **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

Thực hiện nhất quán chiến lược phát triển của công ty đã được xác định, Hội đồng Quản trị chỉ đạo xây dựng, thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, tuân thủ đúng định hướng chỉ đạo trong sản xuất kinh doanh.

Đề ra các giải pháp thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch đặc biệt chú ý các chỉ tiêu lợi nhuận, công tác thu hồi công nợ. Tăng cường thực hiện các chức năng, giám sát bộ máy quản lý và điều hành, khen thưởng kịp thời những cá nhân mang lại lợi ích cho công ty. Đồng thời mạnh dạn chấn chỉnh, thay thế những cán bộ yếu kém, không hoàn thành nhiệm vụ được phân công, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Hội đồng Quản trị trong các kỳ họp.

Theo dõi chỉ đạo sát sao các hoạt động của công ty, tuân thủ đúng quy định, quy chế, Điều lệ hoạt động và pháp luật có liên quan.

Phối hợp tốt với Ban kiểm soát tổ chức các đợt kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định.

Tăng cường việc quản bá thương hiệu công ty trên phương tiện thông tin truyền thông, mở kênh bán hàng qua mạng, có chiến lược xây dựng kế hoạch tạo nguồn phát triển nhân lực để đáp ứng yêu cầu công ty trong giai đoạn trước mắt và lâu dài.

Một số công tác trọng tâm trong năm 2021:

- Cải tổ lại công tác thi đua, khen thưởng để động viên kịp thời đội ngũ nhân viên có đóng góp tích cực cho sự phát triển của công ty.
- Nâng cấp làm mới cơ sở vật chất, thay đổi một số quầy kệ hư hỏng, xuống cấp tại các nhà sách Đông Hồ đặc biệt là khu vực trưng bày hàng hóa tạo nét mới lạ thu hút khách hàng khi đến mua sắm.
- Tăng cường công tác quản lý chi phí, thực hiện tiết kiệm, tiếp tục thực hiện kế hoạch khoán doanh thu-giá vốn-chi phí-tiền lương- hàng tồn kho và thu nhập đến các đơn vị trực thuộc. Sử dụng vốn vay hợp lý và tiết kiệm chi phí lãi vay ngân hàng.
- Chú trọng công tác kế hoạch SGK, SBT, sách tham khảo đối với lớp 3 và lớp 7. Tránh tồn kho hàng hóa vượt mức cho phép, chủ động phát hành sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 mới để chiếm lĩnh thị phần. Công tác kế hoạch Sách giáo khoa năm 2021 phải được đặt vào nhiệm vụ trọng tâm.





- Đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời tại văn phòng công ty nhằm giảm bớt chi phí tiền điện trong sản xuất kinh doanh và tăng thêm thu nhập.

## V. Quản trị công ty

### 1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: HĐQT gồm có 5 thành viên

Ông Nguyễn Hùng Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị;
Ông Mai Ngọc Khoa	Thành viên Hội đồng quản trị độc lập;
Ông Lâm Văn Nguyễn Huy	Thành viên Hội đồng quản trị;
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền	Thành viên Hội đồng quản trị;
Ông Phạm Văn Hoàng	Thành viên HĐQT. (Đại diện vốn Tổ chức).

• Cơ cấu Hội đồng quản trị:

STT	Danh sách	Tỷ lệ sở hữu cổ phần	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Thành viên HĐQT không điều hành:</b>			
1	Nguyễn Hùng Dũng	8,94%	Không có	
2	Phạm Văn Hoàng	20%	Tổng Giám đốc Cty cổ phần Thương mại Kiên Giang.	Đại diện vốn tổ chức.
3	Mai Ngọc Khoa	Không	Không có	Thành viên độc lập
<b>II</b>	<b>Các thành viên khác:</b>			
1	Nguyễn Thị Kim Tuyền	0,68%	Không có	Giám đốc
2	Lâm Văn Nguyễn Huy	4.41%	Không có	Phó GD

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát bộ máy quản trị và điều hành công ty một cách thường xuyên, liên tục thông qua những công cụ như giám sát, kiểm tra thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh hàng tháng, quý... các mẫu biểu báo cáo của Ban giám đốc và các bộ phận quản lý. Giám đốc thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ được giao trong điều lệ và tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị.

Giám sát, chủ trì thành công Đại hội cổ đông thường niên năm 2020; thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020, các chỉ tiêu về tiền lương, lợi nhuận, cổ tức... giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đã đề ra theo NQ Đại hội cổ đông đầu năm.

Trong năm 2020, HĐQT đã tiến hành được 4 cuộc họp chính thức để đánh giá các mặt hoạt động kinh doanh của từng quý; ngoài ra còn có một số cuộc họp đột xuất để thống nhất các vấn đề cần giải quyết ngay. Năm 2020, HĐQT đã đề ra các Nghị quyết và Quyết định sau:





Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
01	106/2020/QĐ-HĐQT-KBE	15/01/2020	V/v khen thưởng HĐQT năm 2019	100%
02	02/2020/NQ-HĐQT-KBE	11/03/2020	V/v chia cổ tức đợt 2 năm 2019 và tổ chức Đại hội cổ đông năm 2020.	100%
03	152/2020/QĐ-HĐQT-KBE	31/12/2020	V/v xử lý hàng thừa, thiếu sau kiểm kê năm 2020.	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Tham gia đầy đủ các cuộc họp do HĐQT triệu tập, thường xuyên có những ý kiến đóng góp tích cực cho hoạt động kinh doanh của công ty.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị: Không có

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

- + Ông Nguyễn Hùng Dũng                      Chủ tịch HĐQT
- + Ông Phạm Văn Hoàng                        Thành viên HĐQT
- + Ông Lâm Văn Nguyễn Huy                Thành viên HĐQT

## 2. Ban Kiểm soát

### a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP	Tỷ lệ	Chức danh nắm giữ tại các tổ chức khác
01	Đình Hoài Thanh	Trưởng Ban	0	0	Kế toán Tổng Công ty đầu tư Phát triển nhà và đô thị Kiên Giang.
02	Nguyễn Út Thơ	Thành viên	3.400	0,28%	Không
03	Nguyễn Thị Thanh Tú	Thành viên	11.520	0,94%	Không

### b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát mọi mặt hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Ban kiểm soát công ty trong năm 2020 đã thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát của mình, cụ thể:

+ Tham dự đầy đủ tất cả các phiên họp của Hội đồng quản trị để theo dõi và giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị công ty.

+ Kịp thời tham mưu cho Hội đồng quản trị công ty về tài chính, nhân sự và các chính sách đối với người lao động, đảm bảo nội bộ công ty luôn đoàn kết.

+ Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng quý, năm của phòng tài chính kế toán trước khi



trình Hội đồng quản trị đồng thời phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán công ty.

**3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát**

**a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích**

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	SỐ TIỀN ĐÃ CHI
01	NGUYỄN HÙNG DŨNG	Chủ tịch HĐQT	475.263.105
02	MAI NGỌC KHOA	Thành viên HĐQT độc lập	48.000.000
03	LÂM VĂN NGUYỄN HUY	Giám đốc, Thành viên HĐQT	441.004.454
04	PHẠM VĂN HOÀNG	Thành viên HĐQT	48.000.000
05	NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN	Phó GD, Thành viên HĐQT	384.472.554
06	LÂM NHỰT MINH	Kế toán trưởng, Thư ký HĐQT	388.173.208
07	ĐINH HOÀI THANH	Trưởng Ban kiểm soát	36.000.000
08	NGUYỄN THỊ THANH TÚ	Thành viên BKS	208.547.100
09	NGUYỄN ÚT THƠ	Thành viên BKS	188.888.277
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.218.348.698</b>

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty đảm bảo tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

**VI. Báo cáo tài chính:**

**1. Ý kiến kiểm toán:**



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**  
**Các thành viên Ban Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH - THIẾT BỊ TRƯỜNG HỌC KIÊN GIANG**

**Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 08 tháng 03 năm 2021 từ trang 05 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**TÓNG GIÁM ĐỐC**

**Đặng Xuân Cảnh**  
**Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
 0067-2018-026-1

**Trịnh Thanh Thanh**  
**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số:  
 2820-2020-026-1

**Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam**  
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 03 năm 2021





## 2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>26.529.946.338</b>	<b>25.333.747.653</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.745.248.412</b>	<b>4.287.959.368</b>
1. Tiền	111	4.1	3.745.248.412	4.287.959.368
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.069.408.836</b>	<b>3.635.024.554</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	4.626.480.303	4.108.485.563
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		31.098.849	261.232.875
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		78.000.000	-
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.3	(666.170.316)	(734.693.884)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>4.4</b>	<b>18.623.065.794</b>	<b>17.347.314.041</b>
1. Hàng tồn kho	141		18.874.898.044	17.504.388.372
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(251.832.250)	(157.074.331)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>92.223.296</b>	<b>63.449.690</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.5	92.223.296	63.449.690
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>8.611.299.816</b>	<b>8.021.678.625</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.713.578.156</b>	<b>6.698.294.183</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	6.173.578.156	5.158.294.183
Nguyên giá	222		13.136.277.523	11.813.054.796
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.962.699.367)	(6.654.760.613)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.7	1.540.000.000	1.540.000.000
Nguyên giá	228		1.660.000.000	1.660.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(120.000.000)	(120.000.000)
<b>II. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4.8</b>	<b>360.000.000</b>	<b>472.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		523.000.000	523.000.000
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(163.000.000)	(51.000.000)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>537.721.660</b>	<b>851.384.442</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.5	537.721.660	851.384.442
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>35.141.246.154</b>	<b>33.355.426.278</b>

(Xem trang tiếp theo)



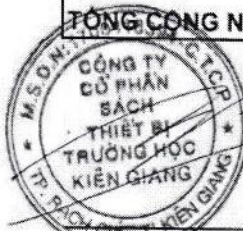


## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>13.575.221.670</b>	<b>13.009.542.988</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>13.575.221.670</b>	<b>13.009.542.988</b>
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	4.9	6.742.418.977	4.790.469.560
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.10	3.267.386.146	35.966.610
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.11	296.547.016	364.140.117
4. Phải trả người lao động	314	4.12	2.618.162.566	2.702.753.343
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		236.237.193	873.146.674
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		72.165	72.165
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	3.858.561.788
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.13	414.397.607	384.432.731
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>21.566.024.484</b>	<b>20.345.883.290</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	4.14	<b>21.566.024.484</b>	<b>20.345.883.290</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		12.310.600.000	12.310.600.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		12.310.600.000	12.310.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		552.400.000	552.400.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1.231.060.000	1.231.060.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.471.964.484	6.251.823.290
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		4.573.577.160	4.339.284.323
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.898.387.324	1.912.538.967
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>35.141.246.154</b>	<b>33.355.426.278</b>



Lâm Văn Nguyễn Huy  
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Lâm Nhật Minh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thùy Linh  
Người lập



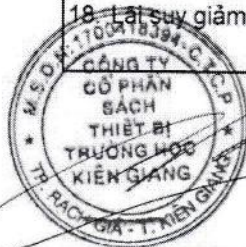
Mẫu số B 02 - DN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng	1		124.623.580.799	132.725.491.258
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		4.195.894.529	11.772.679.033
3. Doanh thu thuần về bán hàng	10	5.1	120.427.686.270	120.952.812.225
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	97.498.517.246	97.163.799.403
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		22.929.169.024	23.789.012.822
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		62.048.445	210.537.219
7. Chi phí tài chính	22	5.3	569.969.217	458.862.254
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		457.969.217	506.862.254
8. Chi phí bán hàng	25	5.4	14.698.476.171	15.281.459.346
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.5	3.959.087.268	4.233.450.716
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.763.684.813	4.025.777.725
11. Thu nhập khác	31		427.760.309	80.313.275
12. Chi phí khác	32		265.322.851	-
13. Lợi nhuận khác	40		162.437.458	80.313.275
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.926.122.271	4.106.091.000
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.7	425.677.071	550.919.773
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.500.445.200	3.555.171.227
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.14.4	2.354	2.354
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.14.5	2.354	2.354



Lâm Văn Nguyễn Huy  
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Lâm Nhật Minh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thùy Linh  
Người lập





Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2020	Năm 2019
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.926.122.271	4.106.091.000
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao TSCĐ	02	5.6	419.350.572	386.174.307
Các khoản dự phòng	03		196.144.019	5.612.595
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(60.218.903)	(89.913.645)
Chi phí lãi vay	06	5.3	457.969.217	506.862.254
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		4.939.367.176	4.914.826.511
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(365.860.714)	2.050.515.245
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.370.509.672)	(1.575.950.315)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		4.356.907.655	1.557.865.490
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		284.889.176	(481.731.915)
Tiền lãi vay đã trả	14		(457.969.217)	(506.723.250)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	4.11	(388.309.132)	(663.188.206)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(572.093.000)	(515.611.382)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.426.422.272	4.780.002.178
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.434.634.545)	(471.074.054)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		500.000	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		59.718.903	89.913.645
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.374.415.642)	(381.160.409)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	30.053.006.857	50.624.669.771
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(33.911.568.645)	(50.638.867.819)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.736.155.798)	(3.446.980.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.594.717.586)	(3.461.178.048)
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	50		(542.710.956)	937.663.721
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		4.287.959.368	3.350.295.647
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b> (70 = 50+60+61)	70	4.1	3.745.248.412	4.287.959.368



Lâm Văn Nguyễn Huy  
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Lâm Nhật Minh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thùy Linh  
Người lập

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách - Thiết Bị Trường Học Kiên Giang (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo:

- Quyết định số 1760/QĐ-UB ngày 26 tháng 06 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Kiên Giang;
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 56-03-000014 ngày 11 tháng 07 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp. Sau đó, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này được thay thế bằng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700418394, chứng nhận lần đầu ngày 12 tháng 02 năm 2009 và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 04 tháng 05 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 12.310.600.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Nhà nước	2.462.000.000	20%	2.462.000.000	20%
Công nhân viên	4.047.140.000	33%	4.047.140.000	33%
Đối tượng khác	5.801.460.000	47%	5.801.460.000	47%
<b>Cộng</b>	<b>12.310.600.000</b>	<b>100%</b>	<b>12.310.600.000</b>	<b>100%</b>

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Lô E16, Số 30-31-32, Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 94 (31/12/2019: 94).

**1.2. Lĩnh vực kinh doanh**

Kinh doanh sách, thiết bị trường học.

**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ (1610);
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ, và vật liệu tết bện (1629);
- Sản xuất giấy nhẵn, bia nhẵn, bao bì từ giấy và bìa (1720);
- Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa (17090);
- In ấn (18110);
- Dịch vụ liên quan tới in (18120);
- Bán buôn vali, cặp, túi, ví hàng da và giả da khác (46491);
- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh (46493);
- Bán buôn hàng gốm sứ, thủy tinh (46494);
- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện (46495);
- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự (46496);



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

- Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (46497);
- Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao (46498);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (46499);
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (46510);
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (46520);
- Bán buôn máy móc, thiết bị vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện, và thiết bị khác dùng trong mạch điện (465942);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và các thiết bị ngoại vi) (46594);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (46599);
- Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) (46692);
- Bán buôn chuyên doanh khác còn lại (46699);
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (4719);
- Bán lẻ lương thực (47210);
- Bán lẻ thực phẩm (4722);
- Bán lẻ đồ uống (47230);
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông (4741);
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn (47420);
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (4752);
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác (4759);
- Bán lẻ sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm (47610);
- Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) (47620);
- Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao (47630);
- Bán lẻ trò chơi, đồ chơi (47640);
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và hàng giả (4771);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới (4773);
- Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (47910);
- Bán lẻ hình thức khác (47990);
- Xuất bản sách (58110);
- Xuất bản báo, tạp chí và các ấn phẩm định kỳ (58130);
- Xuất bản phần mềm (58200);
- Lập trình máy vi tính (62011);
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (62020);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan tới máy vi tính (62090);
- Photo, chuẩn bị tài liệu (82191);
- Hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (82199);
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi (95110);
- Sửa chữa thiết bị liên lạc (95120);
- Đại lý internet.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

**1.5. Cấu trúc doanh nghiệp**

Các đơn vị trực thuộc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

- Nhà sách Đông Hồ 1: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000807 ngày 27 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-001 vào ngày 09 tháng 07 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp;
- Nhà sách Đông Hồ 2: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000808 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-002 vào ngày 15 tháng 03 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp;
- Xưởng mộc Rạch Sỏi: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000810 ngày 26 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-003 vào ngày 07 tháng 07 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp;
- Nhà sách Đông Hồ Giồng Riềng: Được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh lần đầu số 56-13-000876 ngày 09 tháng 07 năm 2007 và Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất số 1700418394-005 vào ngày 07 tháng 07 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang cấp.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH****2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

**2.3. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

**2.4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG****3.1. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc về tất cả những thông tin liên quan có sẵn tại ngày lập báo cáo tài chính, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán “Báo cáo lưu chuyển tiền tệ”.

**3.3. Đầu tư tài chính*****Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác******Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

***Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính******Đối với các khoản đầu tư khác***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, đối với các khoản đầu tư khác không phải là đầu tư chứng khoán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán trong nước và không phải là chứng khoán tự do mua bán trên thị trường, dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác được trích lập khi có cơ sở cho thấy có giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của doanh nghiệp với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính nhưng tối đa bằng giá trị đầu tư thực tế đang hạch toán trên sổ kế toán.

**3.4. Nợ phải thu*****Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

***Nguyên tắc dự phòng nợ phải thu khó đòi***

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với mức quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị các khoản nợ phải thu không cao hơn giá trị có thể thu hồi được.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.5. Hàng tồn kho*****Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

***Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho***

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền của giá bia (giá bán) trừ khoản chiết khấu trên giá bia (giá bán) và được hạch toán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

***Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được với mức trích lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08 tháng 08 năm 2019 của Bộ Tài chính để bảo đảm phản ánh giá trị hàng tồn kho không cao hơn giá thị trường.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.6. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

***Phương pháp khấu hao***

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

- |                                   |             |
|-----------------------------------|-------------|
| ▪ Nhà cửa, vật kiến trúc          | 08 - 25 năm |
| ▪ Máy móc, thiết bị               | 06 - 08 năm |
| ▪ Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 08 năm |
| ▪ Thiết bị, dụng cụ quản lý       | 03 - 06 năm |



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.7. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

***Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu***

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

***Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình******Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại Lô E16-57, Đường 3/2, Phường Vĩnh Lạc, Thành phố Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang, Việt Nam.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

***Phần mềm máy vi tính***

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

**3.8. Nợ phải trả**

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

**3.9. Chi phí phải trả**

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**3.10. Nguồn vốn chủ sở hữu*****Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

***Cổ phiếu quỹ***

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*****Cổ tức***

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

***Quỹ dự trữ***

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Công ty.

***Phân phối lợi nhuận***

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.11. Doanh thu*****Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

**3.12. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

**3.13. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

**3.14. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính và chi phí đi vay vốn.

**3.15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận bán hàng (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu, bao bì, khấu hao TSCĐ; chi phí chiết khấu, thưởng bán hàng; chi phí vận chuyển, bốc vác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (chi phí điện, nước, điện thoại,...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, chi phí công tác).



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.16. Thuế*****Thuế thu nhập doanh nghiệp******Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành***

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

***Ưu đãi, miễn giảm thuế***

Theo Khoản 3, Điều 19, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 hướng dẫn thi hành một số điều của luật thuế TNDN, công ty được áp dụng thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với thu nhập từ hoạt động xuất bản phẩm.

Theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 09 năm 2020 của Chính phủ, Công ty được giảm 30% số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm 2020.

***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế như sau:

▪ Sách giáo khoa	Không chịu thuế
▪ Sách tham khảo (không phải sách giáo khoa)	5%
▪ Hàng mỹ phẩm và các thiết bị điện tử như máy tính Casino	10%

***Các loại thuế khác***

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**3.17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

**3.19. Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****3.20. Các bên liên quan**

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

**4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****4.1. Tiền**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Tiền mặt	104.214.957	66.543.463
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	3.641.033.455	4.221.415.905
<b>Cộng</b>	<b>3.745.248.412</b>	<b>4.287.959.368</b>

**4.2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Ủy ban Nhân dân xã Dương Tơ	581.190.000	-
Bà Dương Bảo Ngọc	527.000.000	-
Ông Bùi Minh Thạc Vũ	527.000.000	-
Công ty Điện lực Kiên Giang	502.117.000	1.469.500
Các khách hàng khác	2.489.173.303	4.107.016.063
<b>Cộng</b>	<b>4.626.480.303</b>	<b>4.108.485.563</b>

Tại ngày 31/12/2020, phải thu các khách hàng khác ngắn hạn có số dư mỗi khách hàng dưới 10% tổng số phải thu ngắn hạn của khách hàng.

**4.3. Nợ xấu**

	Tại ngày 31/12/2020 VND		Tại ngày 01/01/2020 VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu đã quá hạn và khó có khả năng thu hồi	666.170.316	-	734.693.884	-



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020			Tại ngày 01/01/2020		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Cổ phần Đầu tư Trường An Công ty TNHH MTV Trần Chung Á Châu	289.798.000	-	Trên 3 năm	289.798.000	-	Trên 3 năm
Các khách hàng khác	189.049.679	-	Trên 3 năm	189.049.679	-	Trên 3 năm
	187.322.637	-	Trên 3 năm	255.846.205	-	Trên 3 năm
<b>Cộng</b>	<b>666.170.316</b>	<b>-</b>		<b>734.693.884</b>	<b>-</b>	

**4.4. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	255.065.506	-
Thành phẩm	108.002.000	-	194.440.000	-
Hàng hóa	18.766.896.044	(251.832.250)	17.054.882.866	(157.074.331)
<b>Cộng</b>	<b>18.874.898.044</b>	<b>(251.832.250)</b>	<b>17.504.388.372</b>	<b>(157.074.331)</b>

**4.5. Chi phí trả trước**

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn:</b>		
Công cụ, dụng cụ	92.223.296	63.449.690
<b>Dài hạn:</b>		
Chi phí sửa chữa văn phòng, nhà sách	296.343.178	512.205.315
Công cụ, dụng cụ	129.031.432	188.007.888
Các khoản khác	112.347.050	151.171.239
<b>Cộng</b>	<b>537.721.660</b>	<b>851.384.442</b>

(Xem trang tiếp theo)



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quan lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2020	9.915.979.336	308.253.283	1.059.641.926	529.180.251	11.813.054.796
Mua trong năm	207.570.909	-	-	1.227.063.636	1.434.634.545
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(111.411.818)	(111.411.818)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>10.123.550.245</b>	<b>308.253.283</b>	<b>1.059.641.926</b>	<b>1.644.832.069</b>	<b>13.136.277.523</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2020	4.787.424.241	308.253.283	1.059.641.926	499.441.163	6.654.760.613
Khấu hao trong năm	402.180.114	-	-	17.170.458	419.350.572
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	(111.411.818)	(111.411.818)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>5.189.604.355</b>	<b>308.253.283</b>	<b>1.059.641.926</b>	<b>405.199.803</b>	<b>6.962.699.367</b>
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2020	5.128.555.095	-	-	29.739.088	5.158.294.183
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>4.933.945.890</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.239.632.266</b>	<b>6.173.578.156</b>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 2.930.730.955 VND.





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2020	1.540.000.000	120.000.000	1.660.000.000
Tại ngày 31/12/2020	<b>1.540.000.000</b>	<b>120.000.000</b>	<b>1.660.000.000</b>
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2020	-	120.000.000	120.000.000
Tại ngày 31/12/2020	-	<b>120.000.000</b>	<b>120.000.000</b>
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2020	1.540.000.000	-	1.540.000.000
Tại ngày 31/12/2020	<b>1.540.000.000</b>	-	<b>1.540.000.000</b>

Nguyên giá TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 120.000.000 VND.

## 4.8. Đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại TP. Hồ Chí Minh, chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Giá gốc	523.000.000	523.000.000
Giá trị hợp lý	360.000.000	472.000.000
Dự phòng	(163.000.000)	(51.000.000)

(Xem trang tiếp theo)



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4.9. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Bình Tây	1.190.580.258	1.190.580.258	166.934.096	166.934.096
Công ty TNHH MTV Nam Phương Kiên Giang	726.772.200	726.772.200	37.700.000	37.700.000
Công ty TNHH Sách Thiết bị Giáo dục Đức Trí	627.703.508	627.703.508	115.736.553	115.736.553
Các đối tượng khác	4.197.363.011	4.197.363.011	4.470.098.911	4.470.098.911
<b>Cộng</b>	<b>6.742.418.977</b>	<b>6.742.418.977</b>	<b>4.790.469.560</b>	<b>4.790.469.560</b>

## 4.10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND
Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Phú Quốc	3.239.645.825	-
Các khách hàng khác	27.740.321	35.966.610
<b>Cộng</b>	<b>3.267.386.146</b>	<b>35.966.610</b>

## 4.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2020	Trong năm		Tại ngày 01/01/2020
	VND	Phải nộp	Đã nộp	VND
	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	129.125.459	1.177.084.438	1.309.199.575	261.240.596
Thuế thu nhập doanh nghiệp	133.139.460	425.677.071	388.309.132	95.771.521
Thuế thu nhập cá nhân	34.282.097	540.334.957	513.180.860	7.128.000
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	135.215.547	135.215.547	-
Các loại thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>296.547.016</b>	<b>2.286.312.013</b>	<b>2.353.905.114</b>	<b>364.140.117</b>

## 4.12. Phải trả người lao động

Là quỹ lương năm 2020 còn phải trả cho người lao động.

## 4.13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Số dư đầu năm	384.432.731	235.833.471
Trích lập trong năm	455.057.876	462.172.260
Sử dụng trong năm	(425.093.000)	(313.573.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>414.397.607</b>	<b>384.432.731</b>





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4.14. Vốn chủ sở hữu

## 4.14.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu					Cộng VND
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND		
Tại ngày 01/01/2019	12.310.600.000	552.400.000	1.231.060.000	6.807.842.705		20.901.902.705
Lãi trong năm trước	-	-	-	3.555.171.227		3.555.171.227
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(462.172.260)		(462.172.260)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(195.600.000)		(195.600.000)
Giảm khác	-	-	-	(6.438.382)		(6.438.382)
Chia cổ tức	-	-	-	(3.446.980.000)		(3.446.980.000)
Tại ngày 01/01/2020	12.310.600.000	552.400.000	1.231.060.000	6.251.823.290		20.345.883.290
Lãi trong năm nay	-	-	-	3.500.445.200		3.500.445.200
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(455.057.876)		(455.057.876)
Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	(147.000.000)		(147.000.000)
Tặng khác	-	-	-	57.909.668		57.909.668
Chia cổ tức	-	-	-	(1.736.155.798)		(1.736.155.798)
<b>Tại ngày 31/12/2020</b>	<b>12.310.600.000</b>	<b>552.400.000</b>	<b>1.231.060.000</b>	<b>7.471.964.484</b>		<b>21.566.024.484</b>

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****4.14.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Nhà nước	2.462.000.000	2.462.000.000
Công nhân viên	4.047.140.000	4.047.140.000
Đối tượng khác	5.801.460.000	5.801.460.000
<b>Cộng</b>	<b>12.310.600.000</b>	<b>12.310.600.000</b>

**4.14.3. Cổ phiếu**

	Tại ngày 31/12/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.231.060	1.231.060
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	1.231.060	1.231.060
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	1.231.060	1.231.060

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần.

**4.14.4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	3.500.445.200	3.555.171.227
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(602.057.876)	(657.772.260)
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.898.387.324	2.897.398.967
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	1.231.060	1.231.060
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.354</b>	<b>2.354</b>

**4.14.5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty	3.500.445.200	3.555.171.227
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(602.057.876)	(657.772.260)
Lãi sau thuế để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.898.387.324	2.897.398.967
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	1.231.060	1.231.060
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.231.060	1.231.060
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>2.354</b>	<b>2.354</b>





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 4.14.6. Cổ tức

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Cổ tức đã chia trong năm	1.736.155.798	3.446.980.000

## 4.15. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Bà Văn Thụy Diễm Hằng	321.154.134	325.091.664
Đối tượng khác	102.616.462	102.616.462
<b>Cộng</b>	<b>423.770.596</b>	<b>427.708.126</b>

## 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

## 5.1. Doanh thu thuần về bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng	124.234.769.315	132.514.829.442
Doanh thu bán thành phẩm	388.811.484	210.661.816
Các khoản giảm trừ doanh thu	(4.195.894.529)	(11.772.679.03)
Chiết khấu thương mại	(2.373.012.613)	(8.507.501.477)
Hàng bán bị trả lại	(1.822.881.916)	(3.265.177.556)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>120.427.686.270</b>	<b>120.952.812.225</b>

## 5.2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	97.149.787.569	97.019.387.287
Giá vốn của thành phẩm đã bán	348.729.677	144.412.116
<b>Cộng</b>	<b>97.498.517.246</b>	<b>97.163.799.403</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 5.3. Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	457.969.217	506.862.254
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	112.000.000	(48.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>569.969.217</b>	<b>458.862.254</b>

## 5.4. Chi phí bán hàng

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	11.612.417.574	12.212.688.788
Chi phí vật liệu, bao bì	257.528.120	339.693.388
Chi phí công cụ, dụng cụ	426.559.421	322.467.828
Chi phí khấu hao tài sản cố định	275.447.112	237.270.847
Thuế, phí và lệ phí	128.780.999	81.310.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.918.543.800	2.020.301.144
<i>Chi phí điện, nước, điện thoại</i>	841.341.003	970.874.654
<i>Chi phí vận chuyển, bốc vác</i>	561.070.962	513.167.364
<i>Chi phí khác</i>	516.131.835	536.259.126
Chi phí bằng tiền khác	79.199.145	67.726.545
<b>Cộng</b>	<b>14.698.476.171</b>	<b>15.281.459.346</b>

## 5.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên	2.625.287.885	2.871.864.158
Chi phí đồ dùng văn phòng	53.911.847	86.154.149
Chi phí khấu hao tài sản cố định	143.903.460	143.903.460
Thuế, phí và lệ phí	26.115.670	28.077.456
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(10.613.900)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	261.273.314	327.389.721
Chi phí bằng tiền khác	859.208.992	776.061.772
<i>Chi phí công tác</i>	121.840.773	146.167.680
<i>Chi phí tiếp khách</i>	334.418.862	322.595.115
<i>Chi phí khác</i>	402.949.357	307.298.977
<b>Cộng</b>	<b>3.959.087.268</b>	<b>4.233.450.716</b>





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 5.6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	133.228.829	110.449.537
Chi phí nhân công	14.237.705.459	15.182.450.986
Chi phí khấu hao tài sản cố định	419.350.572	386.174.307
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.196.085.467	2.369.280.404
Chi phí khác bằng tiền	1.916.348.213	1.710.344.539
<b>Cộng</b>	<b>18.902.718.540</b>	<b>19.758.699.773</b>

## 5.7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	3.926.122.271	4.106.091.000
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	265.322.851	-
Trừ: Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	(88.000.000)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh	4.191.445.122	4.018.091.000
Trong đó:		
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động ưu đãi</i>	2.301.789.231	2.526.984.263
<i>Thu nhập tính thuế từ hoạt động không ưu đãi</i>	1.889.655.891	1.491.106.737
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi áp dụng cho doanh thu từ hoạt động ưu đãi	10%	10%
Thuế suất thuế TNDN phổ thông áp dụng cho doanh thu từ hoạt động không ưu đãi	20%	20%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	608.110.101	550.919.773
Trừ: Thuế TNDN được miễn giảm theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP	(182.433.030)	-
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành</b>	<b>425.677.071</b>	<b>550.919.773</b>

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí/thu nhập khi tính thuế.

## 6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

## 6.1. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	30.053.006.857	50.624.669.771

## 6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(33.911.568.645)	(50.638.867.819)

(Xem trang tiếp theo)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****7. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty có quy mô hoạt động trên toàn quốc phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau:

- Thương mại;
- Sản xuất.

	<u>Đơn vị tính: triệu đồng</u>							
	Thương mại		Sản xuất		Loại trừ		Tổng cộng	
	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>Doanh thu thuần</b>								
Từ khách hàng bên ngoài	120.130	120.763	298	190	-	-	120.428	120.953
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>								
Kết quả của bộ phận							22.929	23.789
Chi phí không phân bổ							(18.657)	(19.515)
Thu nhập tài chính							62	211
Chi phí tài chính							(570)	(459)
Lợi nhuận khác							162	80
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(426)	(551)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>							<b>3.500</b>	<b>3.555</b>





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## Các thông tin khác

Đơn vị tính: triệu đồng

Thương mại		Sản xuất		Loại trừ		Tổng cộng	
Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày	Tại ngày
31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020	31/12/2020	01/01/2020
VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
35.034	32.906	108	450	-	-	35.142	33.355
						13.575	13.010
Thương mại		Sản xuất		Loại trừ		Tổng cộng	
Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2019
VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1.435	471	-	-	-	-	1.435	471
420	386	-	-	-	-	419	386

Tài sản của bộ phận  
Nợ phải trả không phân bổ

Chi phí mua sắm tài sản  
Chi phí khấu hao

Công ty không có báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động của Công ty hoàn toàn tại tỉnh Kiên Giang, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo khu vực địa lý cần thiết phải thuyết minh.

(Xem trang tiếp theo)



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

## 8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quanMối quan hệ

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám Đốc

Nhân sự quản lý chủ chốt

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2020 VND</u>	<u>Năm 2019 VND</u>
Ông Lâm Văn Nguyễn Huy	Giám đốc kiêm thành viên HĐQT	441.004.454	412.879.917
Ông Nguyễn Hùng Dũng	Chủ tịch HĐQT Phó Giám đốc	475.263.105	499.919.458
Bà Nguyễn Thị Kim Tuyền	kiêm thành viên HĐQT	384.472.554	297.258.877
Ông Mai Ngọc Khoa	Thành viên HĐQT	48.000.000	41.400.000
Ông Phạm Văn Hoàng	Thành viên HĐQT	48.000.000	41.400.000
Ông Lâm Nhật Minh	Nhân viên quản lý chủ chốt khác	388.173.208	320.387.673
Bà Nguyễn Út Thơ	Nhân viên quản lý chủ chốt khác	188.888.277	180.446.459
Bà Nguyễn Thị Thanh Tú	Nhân viên quản lý chủ chốt khác	208.547.100	211.298.076
Bà Hà Xuân Thanh	Nhân viên quản lý chủ chốt khác	174.508.451	184.528.193
Bà Nguyễn Thị Ngọc Hân	Nhân viên quản lý chủ chốt khác	152.868.611	151.586.195
<b>Cộng</b>		<b>2.509.725.760</b>	<b>2.341.104.848</b>

## 9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	<u>Năm 2020 VND</u>	<u>Năm 2019 VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	64.800.000	58.800.000

(Xem trang tiếp theo)





**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**10. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ảnh hưởng của đại dịch Coronavirus (COVID-19) đang diễn ra và mặc dù đang tác động tiêu cực về mặt tài chính cho Công ty đến ngày 31/12/2020 nhưng Công ty cũng không thể ước tính được các ảnh hưởng tiềm tàng, tích cực hoặc tiêu cực, sau ngày kết thúc kỳ báo cáo. Tình hình dịch bệnh đang diễn biến nhanh và phụ thuộc vào các biện pháp kiểm soát dịch bệnh của Chính phủ Việt Nam và các nước.

Ngoài ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 nêu trên, không có vấn đề hoặc tình huống nào khác phát sinh kể từ ngày 31/12/2020 có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh hoặc tình hình của Công ty trong những năm tài chính sắp tới.



Lâm Văn Nguyễn Huy  
Giám đốc

Kiên Giang, ngày 08 tháng 03 năm 2021

Lâm Nhựt Minh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Thùy Linh  
Người lập

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA  
CÔNG TY**

**CHỦ TỊCH HĐQT**

**Nơi nhận:**

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Lưu: VT, ...



**NGUYỄN HÙNG DŨNG**